

Số: 170/BC-SCT

Bắc Giang, ngày 18 tháng 10 năm 2012

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động công thương tháng 10 và 10 tháng đầu năm 2012
Nhiệm vụ chủ yếu tháng 11 năm 2012

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU:

1. Về sản xuất công nghiệp (giá CĐ 1994)

Về sản xuất công nghiệp - TTCN trên địa bàn nhìn chung vẫn còn gặp nhiều khó khăn, nhất là những doanh nghiệp nhỏ và vừa. Nhiều doanh nghiệp vẫn phải hoạt động cầm chừng, cố gắng duy trì sản xuất. Tuy nhiên những doanh nghiệp lớn vẫn sản xuất ổn định và có mức tăng trưởng cao đã có đóng góp tích cực vào kết quả sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Dự tính GTSX CN tháng 10 năm 2012 đạt 646,6 tỷ đồng, tăng 2,1% so với tháng trước và tăng 38,5% so với cùng kỳ, cộng dồn 10 tháng ước đạt 5.591,3 tỷ đồng, tăng 23,4% so với cùng kỳ, đạt 82,5% so với kế hoạch năm. Trong đó khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có tốc độ tăng trưởng cao nhất so với cùng kỳ (tăng 52,4%) nguyên nhân do các doanh nghiệp sản xuất linh kiện điện tử, sản phẩm may mặc có giá trị sản xuất cao. Cụ thể:

1.1. Phân theo thành phần kinh tế

- Khu vực kinh tế Nhà nước: Dự tính GTSX CN tháng 10 đạt 111,4 tỷ đồng, tăng 12,3% so với tháng trước. Ước thực hiện 10 tháng đạt 957 tỷ đồng, tăng 8,6% so với cùng kỳ, đạt 71% so với kế hoạch năm.

- Khu vực kinh tế ngoài Nhà nước: Dự tính GTSX CN tháng 10 đạt 214,6 tỷ đồng, bằng 96,1% so với tháng trước. Ước thực hiện 10 tháng đạt 2.377,5 tỷ đồng, tăng 9,7% so với cùng kỳ, đạt 69,4% so với kế hoạch năm.

- Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: Dự tính GTSX CN tháng 10 đạt 320,6 tỷ đồng, tăng 3,3% so với tháng trước. Ước thực hiện 10 tháng đạt 2.256,8 tỷ đồng, tăng 52,4% so với cùng kỳ, tăng 12,5% so với kế hoạch năm.

1.2 Theo ngành công nghiệp:

Ngành Công nghiệp khai thác mỏ: Dự tính GTSX CN tháng 10 đạt 2,67 tỷ đồng, bằng 86,1% so với tháng trước, tăng 16,1% so với cùng kỳ. Ước thực hiện 10 tháng đạt 46,3 tỷ đồng bằng 94,3% so với cùng kỳ, đạt 71,2% so với kế hoạch năm.

Ngành Công nghiệp chế biến: Dự tính GTSX CN tháng 10 đạt 588,9 tỷ đồng, tăng 0,2% so với tháng trước, tăng 47,8% so với cùng kỳ. Ước thực hiện 10 tháng đạt 5.112,4 tỷ đồng tăng 23,7% so với cùng kỳ, đạt 81,3% so với kế hoạch năm.

Ngành Công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước: Dự tính GTSX CN tháng 10 đạt 55 tỷ đồng, tăng 30,9% so với tháng trước, bằng 83,5% so với cùng kỳ. Ước thực hiện 10 tháng đạt 432,5 tỷ đồng tăng 24,5% so với cùng kỳ, tăng 0,6% so với kế hoạch năm.

2. Về hoạt động thương mại

2.1. Thương mại nội địa:

Chỉ số giá tiêu dùng toàn tỉnh tháng 10 tăng khoảng 0,3% so với tháng 9 do chịu tác động chủ yếu của việc tăng giá xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng và việc điều chỉnh tăng giá viện phí.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tháng 10 ước đạt 1.054,9 tỷ đồng, tăng 1,5% so với tháng trước, tăng 22,4% so với cùng kỳ, trong đó kinh tế nhà nước ước đạt 33,8 tỷ đồng; kinh tế ngoài nhà nước ước đạt 1.021,1 tỷ đồng. Ước thực hiện 10 tháng đạt 9.806,9 tỷ đồng, tăng 26,7% so với cùng kỳ, đạt 81,7% kế hoạch năm, trong đó kinh tế nhà nước ước đạt 374,8 tỷ đồng đạt 74,9% kế hoạch năm; kinh tế ngoài nhà nước ước đạt 9.432,1 tỷ đồng, đạt 82% so với kế hoạch năm.

2.3. Hoạt động xuất, nhập khẩu:

*** Về xuất khẩu:**

Tổng kim ngạch xuất khẩu ước thực hiện tháng 10 đạt 125 triệu USD, tăng 3,7% so với tháng trước, tăng 59,2% so với cùng kỳ. Ước thực hiện 10 tháng đạt 1.038,2 triệu USD, tăng 75,2% so với cùng kỳ, tăng 15,4% kế hoạch năm, trong đó:

Khu vực kinh tế trong nước: ước thực hiện tháng 10 đạt 29,3 triệu USD, tăng 6,5% so với tháng trước, tăng 52,6% so với cùng kỳ. Ước thực hiện 10 tháng đạt 235,7 triệu USD, tăng 32,6% so với cùng kỳ, bằng 92,4% kế hoạch năm.

Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: ước thực hiện tháng 10 đạt 95,8 triệu USD, tăng 2,9% so với tháng trước, tăng 61,3 so với cùng kỳ. Ước thực hiện 10 tháng đạt 802,5 triệu USD, tăng 93,5% so với cùng kỳ, tăng 24,4% kế hoạch năm.

Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm hàng may mặc, hàng điện tử, máy tính và phụ kiện dự tính tháng 10 và 10 tháng đầu năm vẫn là những mặt hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh; mặt hàng có tốc độ tăng nhiều so với cùng kỳ là sản phẩm plastic (nhựa) tăng 2,2 lần; hàng điện tử, máy tính và phụ kiện tăng 67,6%; Tuy hàng thủ công mỹ nghệ có kim ngạch xuất khẩu thấp nhưng so với cùng kỳ năm 2011 thì lại là một trong những mặt hàng có tốc độ tăng cao nhất (tăng

4,45 lần), điều này chứng tỏ những mặt hàng này của tỉnh đã dần khẳng định được vị trí của mình tại các thị trường xuất khẩu.

** Về nhập khẩu:*

Tổng kim ngạch nhập khẩu ước thực hiện tháng 10 đạt 130,4 triệu USD, tăng 4,2% so với tháng trước, tăng 68,5% so với cùng kỳ. Ước thực hiện 10 tháng đạt 1.055,9 triệu USD, tăng 74,3% so với cùng kỳ, tăng 13,5% kế hoạch năm.

Khu vực kinh tế trong nước: ước thực hiện tháng 10 đạt 26,3 triệu USD, tăng 8,2% so với tháng trước, tăng 36,3% so với cùng kỳ. Ước thực hiện 10 tháng đạt 214,1 triệu USD, tăng 25,1% so với cùng kỳ, đạt 82,3% kế hoạch năm.

Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: ước thực hiện tháng 10 đạt 104,1 triệu USD, tăng 3,3% so với tháng trước, tăng 79,2% so với cùng kỳ. Ước thực hiện 10 tháng đạt 841,8 triệu USD, tăng 93,7% so với cùng kỳ, tăng 25,6% kế hoạch năm.

Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là nguyên, phụ liệu phục vụ cho sản xuất hàng may mặc, hàng linh kiện điện tử, sản phẩm nhựa, thuốc trừ sâu và nguyên liệu, hàng điện tử, máy tính và phụ kiện...

Thị trường nhập khẩu: Chủ yếu vẫn là từ thị trường Trung Quốc, Hàn Quốc.

3. Công tác quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực

3.1. Công tác tham mưu xây dựng cơ chế chính sách, chương trình, đề án.

Tiếp tục triển khai xây dựng các quy hoạch, cơ chế chính sách theo kế hoạch trình UBND tỉnh trong năm 2012:

Quy hoạch phát triển thương mại tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;

Quy hoạch mạng lưới kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến 2020.

3.2. Công tác quản lý công nghiệp.

- Tham gia trưng bày 12 gian hàng trong đó có 11 gian hàng của các làng nghề; trình diễn các sản phẩm làng nghề tiêu biểu tại ngày hội văn hoá của tỉnh năm 2012.

- Phối hợp với Sở Nội vụ tổ chức buổi Lễ Tôn vinh doanh nghiệp, doanh nhân tiêu biểu và công nhận làng nghề, làng nghề truyền thống, nghệ nhân, thợ giỏi tỉnh Bắc Giang năm 2012".

- Hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh công nhận 18 sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, 20 thợ giỏi và 02 người có công đưa nghề vào phát triển nông thôn.

- Xây dựng báo cáo phục vụ đoàn giám sát của HĐND tỉnh về việc chấp hành pháp luật và kết quả đầu tư tại các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2009 – 2011.

- Báo cáo công tác khuyến công tại hội nghị công tác khuyến công các tỉnh, thành phố khu vực phía Bắc lần thứ VII năm 2012.
- Xây dựng báo cáo tổng kết đánh giá 18 năm thi hành pháp luật về an toàn vệ sinh lao động;
- Phối hợp với Ban quản lý các khu công nghiệp, UBND các huyện, thành phố rà soát các doanh nghiệp sản xuất và nhập khẩu các sản phẩm có yêu cầu dán nhãn năng lượng bắt buộc theo chỉ đạo của Bộ Công Thương.
- Tiếp tục đôn đốc thực hiện Quyết định số 147/2009/QĐ-UBND đối với 3 huyện miền núi : Sơn Động, Lục Ngạn và Yên Thế.
- Đề xuất cho 5 tập thể, 5 cá nhân có thành tích xuất sắc 5 năm thực hiện Quyết định 136/2007/QĐ-TTg về phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2012.

3.3. Công tác quản lý Thương mại.

- Xin ý kiến các Sở, ngành, UBND huyện, Thành phố vào dự thảo Quy hoạch mạng lưới kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng tỉnh Bắc Giang đến năm 2020.
- Phối hợp với Trung tâm HCTL Khoa học & Phát triển xã hội (CSSD) tổ chức thành công “**Hội chợ Thương mại tháng 10 Bắc Giang 2012**” diễn ra từ ngày 29/9 - 8/10/2012 tại Quảng trường 3/2 Thành phố Bắc Giang với khoảng 130 gian hàng của các Doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh; đã hỗ trợ 10 doanh nghiệp của tỉnh tham gia 14 gian hàng triển lãm tại hội chợ.
- Xây dựng kế hoạch tổ chức 02 gian hàng triển lãm của tỉnh tham gia hội chợ thương mại biên giới Trung - Việt (Hà Khẩu) 2012 diễn ra tại thị trấn Hà Khẩu (Vân Nam - Trung Quốc) từ ngày 08 đến 12/11/2012.
- Phối hợp với UBND huyện Lục Nam và Yên Dũng tổ chức thành công 2 phiên chợ đưa hàng Việt về nông thôn năm 2012 với sự tham gia của 25 doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.
- Tổ chức 01 lớp tập huấn kiến thức pháp luật về quản lý chợ năm 2012
- Thẩm định và cấp 12 Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai.

3.4. Hoạt động quản lý thị trường

Trong tháng Chi cục Quản lý thị trường tỉnh chỉ đạo các đội Quản lý thị trường thực hiện việc phối hợp kiểm tra ngăn chặn nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh, sử dụng chất cấm trong chăn nuôi; công tác kiểm tra, xử lý vi phạm về hàng giả, các mặt hàng trọng điểm; chống buôn lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng; tập trung kiểm tra giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, hóa đơn, chứng từ và các giấy tờ khác có liên quan; kiểm tra các điều kiện về kinh doanh,

ghi nhãn hàng hóa; đặc biệt tăng cường kiểm tra niêm yết giá và bán theo giá niêm yết đối với mặt hàng thuộc diện bình ổn giá như: Xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng, sắt thép xây dựng, xi măng, sữa, thuốc chữa bệnh cho người..., xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo đúng quy định của pháp luật.

Kết quả từ 13/9 đến 15/10/2012 lực lượng Quản lý thị trường tỉnh đã kiểm tra, xử lý 151 vụ, tổng số tiền thu nộp ngân sách Nhà nước là 364,6 triệu đồng trong đó: phạt hành chính 254 triệu đồng, bán hàng tịch thu 110,6 triệu đồng.

III- NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THÁNG 11

- Trình UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch mạng lưới kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020;

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức kiểm tra, nghiệm thu đề tài khoa học công nghệ cấp cơ sở năm 2012;

- Triển khai hỗ trợ doanh nghiệp dự trữ hàng hóa thiết yếu và bình ổn giá cả thị trường trong dịp Tết Nguyên đán 2013.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các Chương trình: Xúc tiến thương mại, Khuyến công và Tiết kiệm năng lượng, thương mại điện tử tỉnh Bắc Giang năm 2012 theo kế hoạch đã được Chủ tịch UBND phê duyệt và các chương trình mục tiêu quốc gia được giao.

- Tham gia hội chợ Hà Khẩu (Trung Quốc), hội chợ khu vực tổ chức tại Lạng Sơn.

- Tiếp tục rà soát các doanh nghiệp sản xuất và nhập khẩu các sản phẩm có yêu cầu dán nhãn năng lượng bắt buộc theo chỉ đạo của Bộ Công Thương.

- Phối hợp với Sở Tài chính, Liên minh các HTX thẩm định Đề án kinh doanh điện nông thôn cho các REII mở rộng, báo cáo UBND tỉnh phê duyệt.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, bình ổn thị trường, chống buôn lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng, vi phạm về nhãn hàng hóa, vi phạm về sở hữu trí tuệ, niêm yết giá hàng hóa lưu thông trên thị trường. Tăng cường phối hợp kiểm tra, kiểm soát việc vận chuyển, buôn bán gia súc, gia cầm, các sản phẩm gia súc, gia cầm nhập lậu không rõ nguồn gốc, không qua kiểm dịch thú y... lưu thông trên thị trường nhằm ngăn chặn dịch cúm gia cầm có nhiều nguy cơ bùng phát trở lại, đảm bảo hàng hóa lưu thông trên thị trường an toàn vệ sinh thực phẩm.

***MỘT SỐ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ VỚI CHÍNH PHỦ VÀ CÁC BỘ, NGÀNH:**

- Sớm xây dựng Kế hoạch triển khai đầu tư cơ sở hạ tầng thương mại trên tuyến hành lang kinh tế Lạng Sơn – Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh theo Quyết định số

98/2008/QĐ-TTg ngày 9/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tuyến hành lang kinh tế đến năm 2020.

- Tăng hỗ trợ nguồn vốn đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp cho tỉnh Bắc Giang theo Quyết định 60/2010/QĐ-TTg ngày 30/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011-2015.

- Bố trí ngân sách Trung ương cho xây mới mạng lưới chợ nông thôn, chợ dân sinh trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP và Nghị định số 114/2009/NĐ-CP của Chính phủ.

- Ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp nhằm thu hút nguồn vốn trong xã hội đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp có hàng tồn kho nhiều. Chỉ đạo các tổng công ty, doanh nghiệp trực thuộc phối hợp, tham gia các chương trình “Đưa hàng Việt về nông thôn”, “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” và các hội chợ, triển lãm do địa phương tổ chức. Quan tâm giới thiệu các công ty, các tập đoàn kinh tế lớn ưu tiên đầu tư dự án và hợp tác phát triển lĩnh vực công thương vào địa bàn tỉnh Bắc Giang.

- Đề nghị Bộ Công Thương chỉ đạo Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc đẩy nhanh tiến độ trạm 110kV Song Khê - Nội Hoàng theo đúng tiến độ để đảm bảo công suất cấp điện và chất lượng điện áp; Hỗ trợ Bắc Giang thực hiện các Chương trình XTTM tại các thị trường nước ngoài từ nguồn kinh phí XTTM quốc gia.

- Đề nghị Bộ Tài chính có giải pháp ổn định giá xăng dầu, điện; giảm tối đa việc tăng giá các mặt hàng này nhất những tháng cuối năm góp phần bình ổn giá cả thị trường.

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương (b/c);
- UBND tỉnh (B/c);
- Sở KH & ĐT;
- Lãnh đạo SCT;
- Bản điện tử;
- Lưu: VP, KHTC.

GIÁM ĐỐC



Trần Văn Lộc

PHỤ LỤC: GIÁ TRỊ SXCN, XUẤT NHẬP KHẨU, TỔNG MỨC LƯU CHUYỂN HÀNG HÓA
(Kèm theo báo cáo số 470/BC-SCT, ngày 18 tháng 10 năm 2012 của Sở Công Thương)

Stt	Chỉ tiêu	ĐV tính	Kế hoạch năm 2012	Năm 2012					Năm 2011		So sánh			
				TH tháng 9	dự tính tháng 10	dự tính 10 tháng	TH tháng 10	TH 10 tháng	ƯTH T10 so với T9/2012	ƯTH 10 tháng so KH 2012	ƯTH 10 tháng năm 2012 so TH 10 tháng năm	ƯTH tháng 10/2012 so với tháng 10/2011		
				1	2	3	4	5	6	7=3/2	8=4/1	9=4/6	10=3/5	
A	B	C	I	2	3	4	5	6	7=3/2	8=4/1	9=4/6	10=3/5		
I	<u>Giá trị SXCN (giá CP 94)</u>													
1	Phân theo loại hình kinh tế	Tỷ.đ	6.780,0	633,0	646,6	5.591,3	466,7	4.529,5	102,1	82,5	123,4	138,5		
	- Kinh tế nhà nước	Tỷ.đ	1.348,0	99,2	111,4	957,0	84,0	881,1	112,3	71,0	108,6	132,6		
	+ Quốc doanh trung ương	"	1.320,0	90,1	102,4	915,8	70,3	840,9	113,7	69,4	108,9	145,7		
	+ Quốc doanh địa phương	"	28,0	9,1	9,0	41,2	13,7	40,2	98,9	147,1	102,5	65,7		
	- Kinh tế ngoài quốc doanh	Tỷ.đ	3.426,0	223,4	214,6	2.377,5	163,0	2.167,6	96,1	69,4	109,7	131,7		
	- Kinh tế có vốn đầu tư NN	Tỷ.đ	2.006,0	310,4	320,6	2.256,8	219,7	1.480,8	103,3	112,5	152,4	145,9		
2	Phân theo ngành công nghiệp	Tỷ.đ												
	- Công nghiệp khai thác mỏ	"	65,0	3,1	2,67	46,3	2,3	49,1	86,1	71,2	94,3	116,1		
	- Công nghiệp chế biến	"	6.285,0	587,9	588,9	5.112,4	398,5	4.133,1	100,2	81,3	123,7	147,8		
	- SX & PP điện nước, khí đốt	"	430,0	42,0	55,0	432,6	65,8	347,4	131,0	100,6	124,5	83,6		
II	<u>Giá trị SXCN (giá thực tế)</u>	Tỷ.đ	24.755,0	3.117,3	3.416,5	20.886,0	2.441,4	14.816,4	109,6	84,4	141,0	139,9		
III	<u>Thương mại</u>													
1	Tổng mức BLHH và DTDV	Tỷ.đ	12.000,0	1.039,6	1.054,9	9.806,9	861,9	7.739,3	101,5	81,7	126,7	122,4		
	Kinh tế nhà nước	"	500,0	33,4	33,8	374,8	36,7	327,9	101,2	75,0	114,3	92,1		
	Kinh tế ngoài nhà nước	"	11.500,0	1.006,2	1.021,1	9.432,1	825,2	7.411,4	101,5	82,0	127,3	123,7		

A	B	C	1	2	3	4	5	6	7=3/2	8=4/1	9=4/6	10=3/5
2	Giá trị xuất khẩu	Tr.USD	900,0	120,6	125,1	1.038,2	78,6	592,6	103,7	115,4	175,2	159,2
	- Doanh nghiệp trong nước	"	255,0	27,5	29,3	235,7	19,2	177,8	106,5	92,4	132,6	152,6
	- Doanh nghiệp có vốn n.ngoài	"	645,0	93,1	95,8	802,5	59,4	414,8	102,9	124,4	193,5	161,3
3	Giá trị nhập khẩu	Tr.USD	930,0	125,1	130,4	1.055,9	77,4	605,7	104,2	113,5	174,3	168,5
	- Doanh nghiệp trong nước	"	260,0	24,3	26,3	214,1	19,3	171,2	108,2	82,3	125,1	136,3
	- Doanh nghiệp có vốn n.ngoài	"	670,0	100,8	104,1	841,8	58,1	434,5	103,3	125,6	193,7	179,2
IV	Sản phẩm chủ yếu:											
1	Sản phẩm công nghiệp											
	Vi mạch điện tử đơn	10 ³ chiếc	131.250,0	14.968,0	11.650,0	127.135,7	9.560,0	89.616,0	77,8	96,9	141,9	121,9
	Các thiết bị bán dẫn	10 ³ chiếc	31.200,0	2.860,0	1.562,0	29.495,2	3.650,0	27.206,4	54,6	94,5	108,4	42,8
	Phân bón các loại	10 ³ tấn	230,0	16,5	17,6	163,6	17,1	167,8	106,7	71,1	97,5	102,9
	Gạch máy các loại	10 ⁶ viên	650,0	13,9	14,0	130,0	13,1	139,2	100,7	20,0	93,4	106,9
	Giấy bìa các loại	Tấn	17.500,0	1.418,0	1.300,0	14.577,0	1.272,0	13.784,0	91,7	83,3	105,8	102,2
	Bao bì bằng chất dẻo các loại	tấn	17.040,0	486,7	625,0	6.950,5	798,2	6.934,7	128,4	40,8	100,2	78,3
	Điện thương phẩm	10 ⁶ Kw/h	955,0	87,8	87,0	830,0	83,0	671,0	99,1	86,9	123,7	104,8
	Nước sạch	10 ³ m3	9.000,0	683,0	680,0	7.520,0	588,0	6.305,0	99,6	83,6	119,3	115,6
2	Sản phẩm xuất khẩu:											
	Hàng thủy sản	10 ³ USD	700,0	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Hàng rau quả	"	13.200,0	996,0	1.240,0	14.430,1	142,0	7.751,6	124,5	109,3	186,2	873,2
	Hàng nông sản khác	"	4.235,0	1.867,0	2.000,0	8.360,0	610,0	7.335,4	107,1	197,4	114,0	327,9
	Sản phẩm plastic (nhựa)	"	12.390,0	3.077,0	3.445,0	24.265,8	1.455,6	10.994,1	112,0	195,8	220,7	236,7

A												
B												
A		C	I	2	3	4	5	Việt Nam Đ	7=3/2	8=4/1	9=4/6	10=3/5
	Hàng dệt may	"	474.360,0	48.683,9	49.820,0	438.496,1	40.359,7	318.309,1	102,3	92,4	137,8	123,4
	Hàng thủ công mỹ nghệ	"	100,0	30,0	40,0	147,6	2,0	33,1	133,3	147,6	445,9	2.000,0
	Hàng điện tử, máy tính	"	379.080,0	63.061,0	64.940,0	533.596,1	40.359,7	318.309,1	103,0	140,8	167,6	160,9
3	Sản phẩm nhập khẩu:											
	Hóa chất	10 ³ USD	3.100,0	1.373,0	1.900,0	6.113,3	409,0	4.268,3	138,4	197,2	143,2	464,5
	Phân bón	"	2.200,0	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Thuốc trừ sâu và nguyên liệu	"	23.000,0	3.274,0	3.600,0	21.402,0	4.335,0	22.845,2	110,0	93,1	93,7	83,0
	Bột giấy, Giấy các loại	"	6.000,0	450,0	650,0	6.601,3	800,0	8.079,5	144,4	110,0	81,7	81,3
	Vải may mặc, phụ liệu may	"	401.160,0	49.417,3	51.500,0	411.492,3	29.089,8	271.314,4	104,2	102,6	151,7	177,0
	Sắt thép	"	10.320,0	332,0	400,0	4.247,1	819,3	7.432,8	120,5	41,2	57,1	48,8
	Linh kiện điện tử	"	410.000,0	58.362,0	59.500,0	527.133,1	37.421,4	248.329,9	101,9	128,6	212,3	159,0
	Máy móc, thiết bị, phụ tùng	"	65.450,0	7.991,6	8.310,0	57.135,2	2.439,0	20.696,7	104,0	87,3	276,1	340,7